

Bản án số: 98/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24/6/2020.
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Nhàn;
2. Ông Ngô Văn Mừng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C M, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C M, tỉnh An Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C M xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 87/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2020/QĐST-HNGĐ và Quyết định hoãn phiên tòa số 169/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Tuyết L, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp M H xã M H Đông, huyện C M, tỉnh An Giang, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn PH, văn phòng luật sư Nguyễn Văn PH, thuộc đoàn luật sư tỉnh An Giang; địa chỉ: số 477A/24 Quận Cơ Thành, phường Bình Khánh, thành phố L X, tỉnh An Giang, (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp M H, xã M H Đông, huyện C M, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản hòa giải được nguyên đơn chị Võ Thị Tuyết L trình bày: Chị và anh H do tự tìm hiểu và sống chung với nhau vào năm 2007, anh chị có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã M H Đông, huyện C M, tỉnh An Giang. Anh chị sống chung hạnh PH đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng

quan điểm, thường hay cự cãi, không hợp nhau. Nay nhận thấy tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Tuyết L, sinh ngày 21/5/2018; Võ Thị Tuyết L, sinh ngày 18/6/2019, hiện cháu L cháu L sống chung với chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L, cháu L, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Võ Thị Tuyết L xác định không có.

- Về nợ chung: Chị Võ Thị Tuyết L xác định không có.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là luật sư Nguyễn Văn PH trình bày:

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Tuyết L được ly hôn với anh Trần Văn H.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Trần Tuyết L, sinh ngày 21/5/2018; Võ Thị Tuyết L, sinh ngày 18/6/2019 cho chị Võ Thị Tuyết L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu anh Trần Văn H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Võ Thị Tuyết L xác định không có.

- Về nợ chung: Chị Võ Thị Tuyết L xác định không có.

Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ cho anh Trần Văn H đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng anh H vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Chị Võ Thị Tuyết L khởi kiện anh Trần Văn H cư trú ấp M H, xã M H Đông, huyện C M, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện C M thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Võ Thị Tuyết L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Trần Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh H.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị L và anh H sống chung với nhau vào năm 2007 anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã M H Đông, huyện C M, tỉnh An Giang nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống do anh, chị bất đồng quan điểm sống, thường hay cự cãi, sống không hợp nhau, nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Chị và anh H không còn sống chung từ cuối năm 2018 cho đến nay, như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung giữa chị L và anh H không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị L yêu cầu ly hôn với anh H, căn cứ Điều

56 Luật hôn nhân gia đình “ Khi vợ hoặc chồng xin ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn...” Tại phiên tòa, chị L xác định tình cảm không còn. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Tuyết L, sinh ngày 21/5/2018; Võ Thị Tuyết L, sinh ngày 18/6/2019, hiện cháu L cháu L sống chung với chị L. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên, hiện nay cháu L, cháu L sống ổn định với chị L vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần, anh H cũng không có ý kiến phản đối. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu L, cháu L cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình “ Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con ; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Tuyết L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. *Về tài sản chung*: Chị Tuyết L xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. *Về nợ chung*: Chị Tuyết L xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị Tuyết L xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị L và anh H trong thời kỳ hôn nhân thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7]. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Võ Thị Tuyết L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 28, 35, 39, 146, 147, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Tuyết L.

- Về hôn nhân: Chị Võ Thị Tuyết L được ly hôn với anh Trần Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 178 ngày 20/9/2017 của Ủy ban nhân dân xã M H Đông, huyện C M, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Chị Võ Thị Tuyết L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Tuyết L, sinh ngày 21/5/2018; Võ Thị Tuyết L, sinh ngày 18/6/2019. Anh Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Võ Thị Tuyết L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản anh Trần Văn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung: Chị Võ Thị Tuyết L xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Võ Thị Tuyết L xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị L xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị L và anh H thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Chị Võ Thị Tuyết L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007925 ngày 30/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C M, tỉnh An Giang. Chị Võ Thị Tuyết L không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt tham gia phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C M;
- Chi cục THADS huyện C M;
- Ủy ban nhân dân xã M H Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn